

Số: 1046/KL-TTr

Điện Biên, ngày 26 tháng 12 năm 2024

## **KẾT LUẬN THANH TRA**

**Về thanh tra trách nhiệm của Giám đốc Sở trong việc chấp hành pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng; việc chấp hành các quy định trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên**

Thực hiện Quyết định số 92/QĐ-TTr ngày 06/9/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh Điện Biên về việc thanh tra trách nhiệm của Giám đốc Sở trong việc chấp hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng; việc chấp hành các quy định trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên. Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường từ ngày 16/9/2024 đến ngày 15/11/2024.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, Báo cáo thẩm định dự thảo kết luận thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh Điện Biên kết luận các nội dung thanh tra cụ thể như sau:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, địa chất, môi trường, chất thải rắn, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ; đồng thời tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định. Hiện nay, bộ máy của Sở gồm 06 phòng chuyên môn<sup>1</sup>, 04 đơn vị trực thuộc<sup>2</sup> và 10 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện, với 167 biên chế (41 công chức, 124 viên chức, 02 hợp đồng lao động).

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện toàn diện theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó có việc chấp hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thu, chi ngân sách nhà nước. Thông qua các biện pháp tổ chức và quản lý, Sở đã từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong lĩnh vực tài nguyên

<sup>1</sup> Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Phòng Quản lý đất đai, Phòng Quy hoạch đất đai và Đo đạc bản đồ, Phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước, Phòng Quản lý môi trường và Biến đổi khí hậu.

<sup>2</sup> Trung tâm Phát triển quỹ đất, Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

và môi trường, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **II. KẾT QUẢ THANH TRA**

### **1. Thực hiện pháp luật về thanh tra**

#### **a. Kết quả thực hiện**

Trong giai đoạn 2021-2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hằng năm dựa trên định hướng, chương trình, hướng dẫn của Thanh tra tỉnh và chỉ đạo của UBND tỉnh, phù hợp yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thanh tra Sở đã triển khai 04 cuộc thanh tra, bao gồm 02 cuộc thanh tra hành chính và 02 cuộc thanh tra chuyên ngành. Qua thanh tra, Sở đã phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Tổng số tiền vi phạm được thu hồi nộp ngân sách nhà nước là 522.220.000 đồng.

Các cuộc thanh tra tiến hành cơ bản tuân thủ quy định tại Luật Thanh tra, góp phần bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Việc báo cáo công tác thanh tra định kỳ, đột xuất, chuyên đề cơ bản đáp ứng yêu cầu, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên.

#### **b. Hạn chế**

*Về xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra:* Thời gian phê duyệt kế hoạch thanh tra hằng năm 2021, 2022, 2023 còn chậm thời hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Thanh tra 2010.

*Về tuân thủ trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra:* Trình tự, thủ tục tiến hành tại các cuộc thanh tra chưa được Thanh tra Sở tuân thủ đầy đủ theo quy định<sup>3</sup>.

*Về thực hiện nội dung kế hoạch tiến hành thanh tra được phê duyệt:* Tại 01 cuộc thanh tra, Đoàn thanh tra chưa thực hiện đầy đủ các nội dung theo đúng kế hoạch tiến hành thanh tra được phê duyệt<sup>4</sup>.

*Về theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện kết luận thanh tra:* Chưa mở hồ sơ theo dõi và thực hiện việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra theo quy định Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính

<sup>3</sup> Kế hoạch tiến hành thanh tra chưa đầy đủ nội dung; Chưa tổ chức phổ biến kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Đoàn thanh tra; Không thông báo việc công bố quyết định thanh tra đến đối tượng thanh tra; Không gửi văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo theo đề cương và cung cấp thông tin, tài liệu; Thiếu báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Đoàn thanh tra; Không thông báo bằng văn bản cho đối tượng thanh tra về việc kết thúc thanh tra trực tiếp; Sổ nhật ký Đoàn thanh tra không lập theo mẫu, nội dung ghi chép không đảm bảo yêu cầu; Việc công khai kết luận thanh tra chưa được thực hiện đầy đủ; Chưa tổ chức họp kết thúc hoạt động thanh tra và sắp xếp, lập danh mục hồ sơ lưu trữ chưa đảm bảo quy định.

<sup>4</sup> Đoàn thanh tra theo Quyết định số 148/QĐ-STNMT ngày 02/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường chưa thanh tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại Chi cục Quản lý đất đai.

phủ và hướng dẫn tại Công văn số 145/TTr-NVIV ngày 09/4/2020 của Thanh tra tỉnh Điện Biên.

*Về lưu trữ hồ sơ thanh tra:* Hồ sơ thanh tra chưa được bàn giao, lưu trữ đúng quy định tại Điều 50 Thông tư 06/2021/TT-TTTP.

## **2. Thực hiện pháp luật về tiếp công dân**

### **a. Kết quả thực hiện**

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các văn bản<sup>5</sup>, kế hoạch triển khai thực hiện Luật Tiếp công dân, Nghị định số 64/2014/NĐ-CP và Thông tư số 04/2021/TT-TTTP, bố trí địa điểm tiếp công dân theo quy định để phục vụ bảo đảm cho nhu cầu tiếp công dân.

Từ năm 2021 đến năm 2023, Sở tiếp 27 lượt công dân (trong đó có 26 lượt tiếp công dân thường xuyên, 01 lượt tiếp công dân đột xuất, không phát sinh lượt tiếp định kỳ). Nội dung chủ yếu liên quan đến tranh chấp đất đai, cấp đất tái định cư, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ghi sổ, phân loại, xử lý đơn được triển khai theo quy định.

Ngoài ra, Sở đã thực hiện niêm yết nội quy, quy chế và lịch tiếp công dân định kỳ của Thủ trưởng cơ quan; bố trí công chức phụ trách tiếp công dân có trình độ chuyên môn, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin, giải quyết hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý. Các đơn vị trực thuộc gồm Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai không ghi nhận trường hợp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

### **b. Hạn chế**

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân của Sở và các đơn vị trực thuộc trong giai đoạn 2021-2023 phát hiện các hạn chế sau:

*Về lịch tiếp công dân:* Lịch tiếp công dân của Sở chưa được công khai trên trang thông tin điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Tiếp công dân. Thông báo lịch tiếp công dân định kỳ năm 2021 của Giám đốc Sở chưa bảo đảm đủ số ngày tiếp công dân theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Tiếp công dân.

*Về phân công công chức và thực hiện chế độ đối với người thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân:* Sở chưa ban hành quyết định phân công cán bộ phụ trách tiếp công dân thường xuyên theo đúng quy định. Đồng thời, chưa thực hiện chế độ hỗ

---

<sup>5</sup> Quyết định số 68/QĐ-STNMT ngày 25/4/2015 về việc ban hành Nội quy tiếp công dân; Thông báo số 07/TB-STNMT ngày 05/01/2021 về thông báo lịch tiếp công dân của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên năm 2021; Thông báo số 11/TB-STNMT ngày 04/01/2022 về thông báo lịch tiếp công dân của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên năm 2022; Thông báo số 2388/TB-STNMT ngày 27/12/2022 về thông báo lịch tiếp công dân của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên năm 2023.

trợ đối với công chức được phân công nhiệm vụ tiếp công dân theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **3. Thực hiện pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo**

#### **a. Kết quả thực hiện**

Trong giai đoạn 2021-2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận và xử lý là 127 đơn, bao gồm 05 đơn khiếu nại và 122 đơn kiến nghị, phản ánh, không phát sinh đơn tố cáo. Trong đó có 54 đơn kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện và 73 đơn không đủ điều kiện (05 khiếu nại, 68 kiến nghị, phản ánh); 15 đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền và 39 đơn kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền. Nội dung các đơn thư tập trung vào các vấn đề như tranh chấp đất đai, mốc giới, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đất tái định cư. Việc phân loại, xử lý đơn được Thanh tra Sở tham mưu thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và hướng dẫn của Thanh tra tỉnh.

Đối với các đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, Sở đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc giải quyết đảm bảo 100 % đơn thuộc thẩm quyền. Ngoài ra, đã tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết hoàn thành đối với 08 đơn khiếu nại (bao gồm 02 vụ việc giải quyết lần đầu, 06 vụ việc giải quyết lần hai) và 12 đơn kiến nghị, phản ánh.

Công tác lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ giải quyết KNTC được thực hiện theo Quyết định số 2278/2007/QĐ-TTTP và các quy định pháp luật liên quan. Chế độ báo cáo cũng được Sở duy trì thông qua các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất gửi UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, đáp ứng nhu cầu chỉ đạo, điều hành.

#### **b. Hạn chế**

Qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Sở và các đơn vị trực thuộc trong giai đoạn 2021-2023, đã phát hiện các hạn chế như sau:

*Về tiếp nhận, giải quyết đơn thuộc thẩm quyền:* Sử dụng phiếu chuyển đơn không đúng mẫu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư 05/2021/TT-TTTP (32/54 đơn).

*Về tham mưu giải quyết đơn do UBND tỉnh giao:* Thời gian thực hiện giải quyết khiếu nại lần hai đối với 06/06 vụ việc không đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại; 06/12 văn bản tham mưu trả lời đơn kiến nghị, phản ánh không đảm bảo thời gian theo yêu cầu của UBND tỉnh.

*Về lưu trữ hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo:* Hồ sơ giải quyết chưa được ghi số và sắp xếp theo nhóm đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quyết định số

2278/2007/QĐ-TTCP.

#### **4. Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

##### **4.1. Triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

###### **a. Kết quả thực hiện**

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành kế hoạch phòng, chống tham nhũng hàng năm để chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa theo quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP<sup>6</sup>. Nội dung các kế hoạch đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống tham nhũng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc thù hoạt động của Sở. Trên cơ sở các kế hoạch do Sở ban hành, các đơn vị trực thuộc<sup>7</sup> đã xây dựng và triển khai các kế hoạch phòng, chống tham nhũng tại cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn.

Trong giai đoạn thanh tra, Sở và các đơn vị trực thuộc không nhận được yêu cầu giải trình theo thẩm quyền. Việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập được triển khai đúng đối tượng, niêm yết công khai theo quy định và được lập thành biên bản có đại diện tổ chức công đoàn xác nhận. Trong ba năm, người có nghĩa vụ kê khai của Sở đã thực hiện 168 bản kê khai.

Sở và các đơn vị trực thuộc đã thực hiện nghiêm túc các quyết định xử lý, kiến nghị Kết luận của Thanh tra tỉnh<sup>8</sup>, kiểm điểm trách nhiệm đối với 03 tập thể, 01 cá nhân có liên quan; rà soát, báo cáo kết quả khắc phục sai phạm kịp thời. Báo cáo công tác PCTN được gửi về Thanh tra tỉnh đúng yêu cầu về thời hạn, cơ bản phản ánh tình hình tổ chức triển khai pháp luật PCTN tại Sở.

###### **b. Hạn chế**

*Về xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng:*

- Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2021 của Sở ban hành chậm so với thời hạn quy định. Nội dung kế hoạch năm 2021, 2022 chưa phân công rõ trách nhiệm và thời gian thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh. Sở chưa xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN và kế hoạch tự kiểm tra

<sup>6</sup> Kế hoạch số 228/KH-STNMT ngày 09/3/2021 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021; Kế hoạch số 159/KH-STNMT ngày 26/01/2022 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022; Kế hoạch số 192/KH-STNMT ngày 10/02/2023 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023.

<sup>7</sup> Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, và Trung tâm Phát triển Quỹ đất.

<sup>8</sup> Kết luận thanh tra số 182/KL-TTr ngày 09/4/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc công tác quản lý, sử dụng diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp Trung ương, chi nhánh Điện Biên, tại địa bàn thành phố Điện Biên Phủ; Kết luận thanh tra số 189/KL-TTr ngày 14/4/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc chấp hành pháp luật trong quản lý, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở Tân Thanh, phường Tân Thanh, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ; Kết luận thanh tra số 708/KL-TTr ngày 03/12/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc Thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất đoạn dọc Quốc Lộ 279 thuộc khu vực C9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên.

nội bộ việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Chưa tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan theo quy định.

- Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường chưa xây dựng nội dung các giải pháp phòng ngừa tham nhũng một cách cụ thể, đầy đủ và không phân công rõ trách nhiệm thực hiện.

*Về thực hiện trách nhiệm giải trình theo thẩm quyền:* Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các đơn vị trực thuộc chưa quy định trách nhiệm giải trình trong nội quy, quy chế làm việc theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP. Đồng thời, chưa thực hiện việc phân công cá nhân hoặc bộ phận tiếp nhận, xử lý yêu cầu giải trình theo quy định.

*Về công khai, minh bạch trong quản lý kinh phí:*

- Sở chưa thực hiện công khai dự toán ngân sách bổ sung; số liệu, và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán (quý, 6 tháng, năm) theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC. Biểu số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách các năm 2021, 2022, 2023 không đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC (Biểu số 1, số 4).

- Thực hiện công khai ngân sách nhà nước trên trang thông tin điện tử của Sở chưa đảm bảo theo quy định: Chưa công khai số liệu dự toán ngân sách các năm 2021, 2022; công khai quyết toán ngân sách năm 2021, 2022 chậm thời hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai công khai dự toán, quyết toán chưa đúng biểu mẫu; chưa công khai đầy đủ thuyết minh tình hình thực hiện dự toán gồm: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

*Về thực hiện chế độ thông tin, báo cáo:*

- Các báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Sở chưa phản ánh đầy đủ kết quả thực hiện, thiếu thông tin cụ thể về kết quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện tiêu chuẩn, định mức; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn... Trong tổng hợp, xây dựng báo cáo tháng, quý về công tác PCTN, tiêu cực chưa yêu cầu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cung cấp thông tin, số liệu.

- Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai

không thực hiện báo cáo tháng, quý về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Báo cáo năm chưa thể hiện kết quả cụ thể về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện tiêu chuẩn, định mức; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn... và sử dụng biểu mẫu không đúng quy định.

## **4.2. Phòng chống tham nhũng trong quản lý đất đai, khoáng sản**

### **a. Kết quả thực hiện**

Trong giai đoạn 2021-2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và tổ chức triển khai công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản và đất đai. Các thủ tục hành chính liên quan đến khoáng sản đã được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh và Cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường, góp phần thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng trong lĩnh vực này <sup>9</sup>.

Về cấp phép khai thác khoáng sản, Sở đã tham mưu cấp 07 giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó 05 giấy phép cấp mới, 02 trường hợp chuyển nhượng; đồng thời thu hồi 01 giấy phép. Trong 3 năm, tổng số tiền nộp vào ngân sách nhà nước từ thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các khoản khác 65.396.340.685 đồng <sup>10</sup>. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường 2.156.902.007 đồng, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp ngân sách nhà nước 25.346.055.113 đồng.

Đối với lĩnh vực đất đai, Sở tham mưu UBND tỉnh thực hiện giao đất, cho thuê đất, gia hạn quyền sử dụng đất, thu hồi đất tại 250 vị trí (Giao đất 134 vị trí, cho thuê đất 96 vị trí, gia hạn quyền sử dụng đất 28 vị trí, thu hồi 44 khu đất) để phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Việc xác định thông tin đất đai để làm căn cứ tính nghĩa vụ tài chính được thực hiện đúng quy định pháp luật, lập

<sup>9</sup> Quyết định 1662/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Quyết định 1312/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản (cát, sỏi) làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định 02/QĐ-UBND ngày 4/1/2022 phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước và tiêu chí vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định 558/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định 1777/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước và tiêu chí vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 ban hành quy chế quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Công văn số 2087/UBND-KTN ngày 22/5/2023 về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3714/UBND-KTN ngày 23/8/2023 về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; Công văn số 4880/UBND-KTN ngày 19/10/2023 về việc triển khai Công văn số 8797/BTNMT-KSVN ngày 16/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 4977/UBND-KTN ngày 25/10/2023 về việc tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

<sup>10</sup> Thuế Tài nguyên: 31.676.185.292 đồng; Phí bảo vệ môi trường: 9.184.926.585 đồng; Thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.318.438.785 đồng; Thuế GTGT: 21.674.288.854 đồng; Khác: 542.501.169 đồng.

phiếu chuyển thông tin theo đúng biểu mẫu, tạo điều kiện cho cơ quan thuế tính toán chính xác tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nghĩa vụ tài chính liên quan.

Sở đã tiến hành 02 cuộc thanh tra, 03 cuộc kiểm tra đối với 17 tổ chức khai thác khoáng sản; phát hiện 08 tổ chức vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 1.594.000.000 đồng. Tiến hành kiểm tra trong lĩnh vực đất đai 06 cuộc, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 68.000.000 đồng, đồng thời buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 541.395.342 đồng.

## **b. Hạn chế**

Đoàn Thanh tra tỉnh đã tiến hành kiểm tra, đánh giá ngẫu nhiên 09 bộ hồ sơ giao đất, 32 bộ hồ sơ thuê đất, 08 bộ hồ sơ gia hạn và 04 bộ hồ sơ thu hồi đất. Thực hiện thanh tra hồ sơ cấp phép đối với 07 giấy phép khai thác khoáng sản (bao gồm 05 giấy phép cấp mới và 02 giấy phép nhận chuyển nhượng) và kiểm tra thực địa tại 15 điểm mỏ khai thác khoáng sản.

*(Có phụ biểu 01, 02, 03 kèm theo)*

*Về cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản:*

- Báo cáo thẩm định kết quả thăm dò khoáng sản thiếu nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định 158/2016/NĐ-CP <sup>11</sup>.

- Thẩm định, chấp thuận kết quả thăm dò khoáng sản đối với hồ sơ còn thiếu các tài liệu cần thiết về cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò theo quy định tại mục c, d khoản 1 Điều 13, Nghị định 60/2016/NĐ-CP, bao gồm quyết định giao nhiệm vụ, văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu <sup>12</sup>. Thiếu nhật ký giám sát đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư 44/2016/TT-BTNMT <sup>13</sup>; bảng danh sách nhân sự của công ty tư vấn không có chủ biên lập báo cáo kết quả thăm dò và không có hồ sơ thể hiện năng lực của chủ biên <sup>14</sup>.

*Về xác định nghĩa vụ tài chính trong hoạt động khai thác khoáng sản:*

- Xác định không đúng số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong

<sup>11</sup> Hồ sơ thẩm định: Khu vực bãi màu Nậm Thanh và đội 19 xã Noong Luống; Khu vực bản Pom Loi, phường Nam Thanh.

<sup>12</sup> Hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản cát làm VLXD thông thường khu vực bãi màu nậm Thanh và khu vực đội 19 xã Noong Luống; đất làm vật liệu san lấp khu vực bản Pom Loi phường Nam Thanh; cát, sỏi làm VLXD thông thường tại khu vực điểm mỏ thôn 2, xã Thanh Yên huyện Điện Biên.

<sup>13</sup> Hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực bãi màu Nậm Thanh và khu vực đội 19 xã Noong Luống

<sup>14</sup> Hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản cát làm VLXD thông thường khu vực bãi màu nậm Thanh và khu vực đội 19 xã Noong Luống; đất làm vật liệu san lấp khu vực bản Pom Loi phường Nam Thanh.

tham mưu phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại điểm mỏ Pa Tàn<sup>15</sup> theo quy định tại mục b, khoản 1 Điều 11 Nghị định 203/2013/NĐ-CP. Cụ thể, Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên được chấp thuận nộp tổng số tiền 950.220.882 đồng thành 12 lần thay vì 1 lần, dẫn đến từ năm 2015 đến nay, Công ty chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định, với số tiền còn phải nộp là **567.997.882 đồng**.

- Xác định thu thiếu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản đối với dự án khai thác đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ bản Pom Loi, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ theo quy định tại Thông tư 191/2016/TT-BTC.

*Về công tác quản lý; thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản:*

Sở Tài nguyên và Môi trường chưa phát hiện hoặc chưa yêu cầu chấn chỉnh, xử lý dứt điểm các hạn chế tại một số điểm mỏ mà Đoàn Thanh tra tỉnh đã xác minh (15 điểm mỏ). Cụ thể, tại 04/15 điểm mỏ<sup>16</sup>, chưa xây dựng đầy đủ các công trình phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản theo thiết kế mỏ đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định; tại 01/15 điểm mỏ<sup>17</sup>, chưa thực hiện thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản theo quy định tại Điều 13 Thông tư 17/2020/TT-BTNMT. Bên cạnh đó, tại 05/15 điểm mỏ<sup>18</sup>, bản đồ hiện trạng và mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản không đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 8 và Điều 12 Thông tư 17/2020/TT-BTNMT; tại 05/15 điểm mỏ<sup>19</sup>, thực hiện khai thác cắt tầng chưa phù hợp với thiết kế; tại 06/15 điểm mỏ<sup>20</sup> chưa lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác và camera giám sát tại kho chứa theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 158/2016/NĐ-CP. Tại

<sup>15</sup> Quyết định số 1505/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên ngày 25/12/2015

<sup>16</sup> Khai thác khoáng sản cát làm VLXDĐT tại điểm mỏ bản Nậm He, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà; Khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Búng Lao xã Búng Lao huyện Mường Ảng; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Cò Chạy xã Mường Pồn, huyện Điện Biên; khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Khối 1, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà.

<sup>17</sup> Khai thác khoáng sản cát làm VLXDĐT tại điểm mỏ bản Nậm He, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà.

<sup>18</sup> Khai thác khoáng sản cát làm VLXDĐT tại điểm mỏ bản Nậm He, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ bản Hả xã Pá Khoang thành phố Điện Biên Phủ; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Minh Thắng 2 xã Quài Nưa huyện Tuần Giáo; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Pa Tàn xã Pa Tàn huyện Nậm Pồ; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Huổi Dích xã Na Sang huyện Mường Chà

<sup>19</sup> Khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Minh Thắng 2 xã Quài Nưa huyện Tuần Giáo; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Cò Chạy xã Mường Pồn, huyện Điện Biên; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Búng Lao xã Búng Lao huyện Mường Ảng; khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Khối 1, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Huổi Dích xã Na Sang huyện Mường Chà.

<sup>20</sup> Khai thác khoáng sản cát làm VLXDĐT tại điểm mỏ bản Nậm He, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ bản Hả xã Pá Khoang thành phố Điện Biên Phủ; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Cò Chạy xã Mường Pồn; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Pa Tàn xã Pa Tàn huyện Nậm Pồ; khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Khối 1, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà; khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại điểm mỏ Huổi Dích xã Na Sang huyện Mường Chà.

điểm mỏ Huổi Dích, xã Na Sang, huyện Mường Chà, đã sử dụng đất ngoài ranh giới được thuê để khai thác và chế biến khoáng sản (Tại thời điểm kiểm tra, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6 đang thực hiện thủ tục thuê đất đối với phần diện tích ngoài ranh giới sử dụng theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra Sở Tài nguyên và Môi trường <sup>21</sup>).

## **5. Thực hiện quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước**

### **a. Kết quả thực hiện**

Trong giai đoạn 2021-2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách trên cơ sở nhiệm vụ được giao, bám sát theo hướng dẫn của Sở Tài chính, UBND tỉnh và các quy định hiện hành. Kinh phí ngân sách được phân bổ dự toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc và gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh để theo dõi và quản lý.

Tổng ngân sách nhà nước thực nhận, sử dụng trong giai đoạn là 76,056 tỷ đồng, với số quyết toán đạt 76,056 tỷ đồng. Đối với nguồn phí được khấu trừ để lại, kinh phí được sử dụng là 1.372,109 triệu đồng, quyết toán 906,771 triệu đồng; nguồn hoạt động khác có tổng số kinh phí được sử dụng là 1.193,05 triệu đồng, quyết toán 991,15 triệu đồng.

*(Có phụ biểu 04 kèm theo)*

Các đơn vị trực thuộc Sở đã thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công; lập dự toán thu chi ngân sách; thực hiện hạch toán kế toán và quyết toán ngân sách; quản lý và sử dụng nguồn thu từ phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh dịch vụ theo quy định pháp luật. Sở đã hướng dẫn và kiểm tra việc sử dụng kinh phí tại các đơn vị trực thuộc thông qua xét duyệt quyết toán hằng năm, qua đó phát hiện, chấn chỉnh các hạn chế, đảm bảo việc quản lý và sử dụng ngân sách được sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả

### **b. Hạn chế**

Thanh tra việc chấp hành các quy định trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2023 (trừ nguồn kinh phí bảo vệ môi trường đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán); Văn phòng Đăng ký đất đai năm 2022 và 2023; Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường từ năm 2021 đến 2023 (năm 2023, trừ chi phí liên quan đến chấp hành pháp luật thuế đã được Cục Thuế tỉnh kiểm tra); Trung tâm Phát triển Quỹ đất từ năm 2021 đến 2023; Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường năm 2023; Chi cục Bảo vệ Môi trường năm 2021 (sau năm 2021 chi cục đã giải thể và sáp nhập vào Phòng Quản lý môi trường và Biến đổi khí hậu) cho thấy:

<sup>21</sup> Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 100/QĐ-TNMT ngày 23/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

*Trong lập dự toán thu, chi ngân sách:* Việc lập dự toán thu phí, lệ phí tại Văn phòng Sở và Văn phòng Đăng ký đất đai, cùng với dự toán kinh phí từ nguồn không tự chủ tại Văn phòng Sở, chưa sát thực tế.

*Trong quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước cấp:*

- kê khai, nộp thiếu thuế GTGT và chi vượt mức tiền theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ là **9.372.909 đồng**. Cụ thể, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường xác định sai thuế suất thuế GTGT theo quy định tại Điều 1 Nghị định 44/2023/NĐ-CP, với số tiền 1.372.909 đồng. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi tiền Tết Dương lịch vượt mức tiền theo Quy chế chi tiêu nội bộ, với số tiền 8.000.000 đồng.

- Một số khoản chi thanh toán công tác phí, mua vật tư, văn phòng phẩm và chi tiếp khách tại Chi cục Bảo vệ Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, và Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường chưa đầy đủ chứng từ thanh toán như thiếu giấy đề xuất, nội dung chưa đảm bảo theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ.

*Trong quản lý, sử dụng thu phí, lệ phí, hoạt động kinh doanh, dịch vụ:*

- Chưa thực hiện đo đạc, quan trắc, phân tích chỉ tiêu để tiến hành thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định 53/2020/NĐ-CP. Chưa tổ chức rà soát và xác định các cơ sở sản xuất có phát sinh chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh để thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 53/2020/NĐ-CP (Trong giai đoạn 2021-2023 Sở chỉ thu phí đối với Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên).

- Tính toán sai phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, dẫn đến thu thiếu tổng số tiền **13.200.000 đồng**. Trong đó, tính toán sai phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường do xác định sai loại dự án đầu tư xây dựng theo phụ lục IX Nghị định 15/2021/NĐ-CP là 3.200.000 đồng; tính toán sai phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản do xác định sai mức thu phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo Thông tư 191/2016/TT-BTC là 10.000.000 đồng.

- kê khai và nộp thiếu thuế GTGT cùng thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng số tiền **84.316.477 đồng**. Cụ thể, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường xác định sai các khoản chi được trừ vào thu nhập chịu thuế, dẫn đến nộp thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 3.821.942 đồng; Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường kê khai và nộp thiếu thuế giá trị gia tăng trong các năm 2021 và 2022, với số tiền 80.494.535 đồng. Ngoài ra, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường chưa thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định để bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ nguồn thu kinh doanh, dịch vụ.

*Trong việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công:* Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở và các đơn vị trực thuộc còn nhiều hạn chế, chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định. Một số quy chế vẫn dựa trên các văn bản pháp luật đã hết hiệu lực hoặc áp dụng văn bản chưa phù hợp; chưa quy định rõ ràng về chế độ đi học, các khoản chi phục vụ dịch vụ sự nghiệp công, cũng như việc lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền trích lập các quỹ hoặc các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, kinh doanh, dịch vụ. Việc ban hành quy chế chưa có ý kiến tham gia bằng văn bản của tổ chức công đoàn theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư 56/2022/TT-BTC.

Đối với quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, Văn phòng Sở chưa quy định cụ thể trách nhiệm bàn giao tài sản công khi có thay đổi về tổ chức bộ máy hoặc người đứng đầu, theo điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư 144/2017/TT-BTC.

*Trong công tác xét duyệt quyết toán ngân sách:* Việc xét duyệt quyết toán của Sở đối với một số nội dung, công việc của các đơn vị trực thuộc chưa thực sự chặt chẽ, chưa kiểm soát đầy đủ các hạn chế trong báo cáo quyết toán.

### **III. KẾT LUẬN NỘI DUNG THANH TRA**

#### **1. Những mặt làm được**

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã quán triệt, triển khai các quy định của pháp luật liên quan đến thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; đồng thời tổ chức thực hiện những nhiệm vụ quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước theo chức năng, thẩm quyền được giao.

Trong công tác thanh tra, đã xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm, bám sát các định hướng và chỉ đạo của UBND tỉnh cũng như hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên. Các cuộc thanh tra được tiến hành cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật, qua đó phát hiện và xử lý nhiều hành vi vi phạm. Chế độ báo cáo về công tác thanh tra được chấp hành đầy đủ, góp phần hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên.

Trong công tác tiếp công dân, Giám đốc Sở đã ban hành văn bản và kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện Luật Tiếp công dân; bố trí địa điểm tiếp công dân, niêm yết nội quy, quy chế và lịch tiếp công dân định kỳ. Bố trí công chức phụ trách tiếp công dân thường xuyên.

Trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, các đơn thuộc thẩm quyền của Sở và đơn do UBND tỉnh giao tham mưu đều được chỉ đạo giải quyết hoàn thành. Công tác báo cáo, lưu trữ hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo được duy trì theo quy định.

Về phòng, chống tham nhũng, Giám đốc Sở đã ban hành kế hoạch phòng, chống tham nhũng hằng năm và đôn đốc triển khai tại các đơn vị. Các hoạt động

quản lý đất đai, khoáng sản được thực hiện thông qua việc tham mưu ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên.

Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, Sở đã lập, phân bổ, quyết toán kinh phí dựa trên hướng dẫn của Sở Tài chính và quy định pháp luật. Tại các đơn vị trực thuộc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công được xây dựng; việc lập dự toán thu chi, hạch toán kế toán, quyết toán ngân sách được triển khai theo quy định.

## **2. Những mặt hạn chế**

Trong công tác thanh tra, việc phê duyệt kế hoạch thanh tra hằng năm còn chậm thời hạn. Trình tự, thủ tục tiến hành một số cuộc thanh tra chưa đầy đủ, có cuộc thanh tra chưa hoàn thành nội dung thanh tra theo kế hoạch tiến hành. Hồ sơ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra chưa được thiết lập. Hồ sơ thanh tra chưa được bàn giao, lưu trữ theo đúng quy định.

Về tiếp công dân, việc công khai lịch tiếp công dân trên trang thông tin điện tử chưa được thực hiện đầy đủ. Thông báo lịch tiếp công dân định kỳ của Giám đốc Sở chưa đủ số ngày tiếp công dân theo quy định. Sở chưa ban hành quyết định phân công và chưa thực chế độ hỗ trợ đối với công chức tiếp công dân thường xuyên.

Trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, còn sử dụng phiếu chuyển đơn sai mẫu; thời gian giải quyết một số vụ việc còn chậm. Lưu trữ hồ sơ khiếu nại, tố cáo chưa được ghi số và sắp xếp theo đúng quy định.

Đối với công tác phòng, chống tham nhũng, việc ban hành chương trình, kế hoạch PCTN ban hành chưa đảm bảo về thời gian, nội dung theo yêu cầu; chưa quy định trách nhiệm giải trình trong nội quy, quy chế làm việc và phân công cá nhân, bộ phận tiếp nhận xử lý yêu cầu giải trình. Việc công khai, minh bạch ngân sách chưa đảm bảo nội dung theo quy định. Các báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Sở chưa phản ánh đầy đủ kết quả thực hiện, thiếu một số thông tin cụ thể.

Trong quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, hồ sơ thẩm định kết quả thăm dò khoáng sản còn thiếu các tài liệu về năng lực hành nghề, nhật ký giám sát, hồ sơ của chủ biên lập báo cáo. Việc xác định số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn chưa chính xác. Qua thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản còn một số vi phạm tại các điểm mỏ chưa được chấn chỉnh, xử lý dứt điểm.

Trong lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện thu, chi, kê

khai và nộp thiếu thuế; phí thăm định phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Việc rà soát, xác định đối tượng phát sinh nước thải công nghiệp chưa được thực hiện triệt để. Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công chưa được cập nhật kịp thời theo quy định hiện hành. Công tác xét duyệt quyết toán chưa thực sự chặt chẽ nên một số hạn chế chưa được phát hiện, xử lý.

### **3. Nguyên nhân**

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Lãnh đạo Sở và thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc chưa thật sự sát sao, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, và giám sát nội bộ.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, quản lý đất đai, khoáng sản và ngân sách liên tục được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung gây khó khăn trong quá trình cập nhật và quán triệt nội dung một cách đồng bộ. Dẫn đến, một bộ phận công chức, viên chức chưa nắm vững các quy định pháp luật, chưa đề cao tinh thần trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ.

Sự phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các phòng, đơn vị trực thuộc Sở vẫn chưa chặt chẽ, ảnh hưởng đến hiệu quả trong công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo và điều hành, gây khó khăn trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý sớm các sai phạm.

### **4. Trách nhiệm**

Những hạn chế nêu trên thuộc trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường qua các thời kỳ: Ông Vũ Ngọc Vương giai đoạn 2021-2023 và Ông Bùi Châu Tuấn giai đoạn năm 2015.

Thủ trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các hạn chế, khuyết điểm trong quá trình tham mưu, tổ chức thực hiện các nội dung theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

*(Có phụ biểu 05 kèm theo)*

## **IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

### **1. Kiến nghị xử lý về kinh tế**

Kiến nghị xử lý thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền **674.887.268 đồng**.

Yêu cầu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các phòng, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan nộp số tiền sai phạm vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Điện Biên, số tài khoản 3949.0.1031985.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên.

*(Có phụ biểu 06 kèm theo)*

## **2. Kiến nghị xử lý về trách nhiệm**

Căn cứ các quy định, trách nhiệm và mức độ hạn chế qua thanh tra, đề nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xem xét, kiểm điểm trách nhiệm của từng cá nhân; các lãnh đạo phòng, đơn vị; các công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành. Trên cơ sở kết quả kiểm điểm, áp dụng hình thức xử lý theo quy định.

## **3. Kiến nghị về công tác quản lý**

Trên cơ sở kết quả thanh tra, Thanh tra tỉnh kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thực hiện các nội dung sau:

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng và quản lý, sử dụng ngân sách. Việc tăng cường kiểm tra, thanh tra trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị trực thuộc cần được chú trọng, nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế.

Chỉ đạo rà soát, quy định rõ trách nhiệm giải trình trong nội quy, quy chế làm việc; bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách theo Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Các đơn vị trực thuộc phải thực hiện báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng đúng, đầy đủ, kịp thời, phục vụ hiệu quả công tác giám sát, chỉ đạo của Sở. Tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ theo quy định. Sửa đổi, bổ sung và cập nhật thường xuyên quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công theo quy định hiện hành, bảo đảm thống nhất và phù hợp thực tế.

Tăng cường phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan để giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, cũng như việc quản lý, sử dụng đất. Đẩy nhanh tiến độ tham mưu cấp phép khai thác các mỏ cát và đất đã được quy hoạch, đảm bảo nguồn cung vật liệu xây dựng ổn định cho thị trường. Đồng thời, cần rà soát và giải quyết kịp thời các vướng mắc về thủ tục hành chính đối với các mỏ đã được cấp phép nhưng chưa đi vào hoạt động. Để giảm thiểu tình trạng thiếu hụt các vật liệu xây dựng thông thường, đặc biệt là cát và đất tự nhiên, ảnh hưởng tiêu cực đến tiến độ và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, gây khó khăn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Tổ chức rà soát và lập danh sách đầy đủ các cơ sở phát sinh nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thực hiện quan trắc, phân tích các chỉ tiêu để xác định chính xác mức thu phí và triển khai thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo đúng quy định tại Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.

Trên đây là Kết luận thanh tra về trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài nguyên

và Môi trường trong việc chấp hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; cũng như về việc tuân thủ các quy định quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên. Đề nghị Giám đốc Sở quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra; đồng thời thực hiện đầy đủ các kiến nghị thanh tra và báo cáo kết quả bằng văn bản về Thanh tra tỉnh **trước ngày 24/01/2025**./.

***Nơi nhận:***

- Thanh tra Chính phủ (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Phòng nghiệp vụ II, IV;
- Lưu: VT, HSTTr.

**CHÁNH THANH TRA**



**Vui Văn Nguyễn**

**Phụ biểu 01****BẢNG TỔNG HỢP HỒ SƠ DỰ ÁN VỀ ĐẤT ĐAI ĐƯỢC THANH TRA***( Kèm theo Kết luận số 1046/KL-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2024)*

| Stt       | Tên tổ chức                                                             | Số Quyết định                | Mục đích sử dụng đất                                                                                                       |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>HỒ SƠ GIAO ĐẤT</b>                                                   |                              |                                                                                                                            |
| 1         | Ban quản lý dự án các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Điện Biên | 1071/QĐ-UBND ngày 16/6/2021  | Xây dựng Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ                                                                                   |
| 2         | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội                 | 1091/QĐ-UBND ngày 22/6/2021  | Xây dựng Trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh                                                                                       |
| 3         | Sở Lao động, thương binh và XH;                                         | 1210/QĐ-UBND ngày 9/7/2021   | Xây dựng nghĩa trang thanh niên xung phong và giao UBND thành phố quản lý                                                  |
| 4         | Ban Quản lý dự án các công trình thành phố Điện Biên Phủ                | 1356/QĐ-UBND ngày 29/7/2021  | Mở rộng trụ sở thành ủy, HĐND, UBND thành phố Điện Biên Phủ                                                                |
| 5         | Công ty TNHH vận hành Vincom Retail                                     | 1691/QĐ-UBND ngày 15/9/2021  | Đất nhà ở và đất công cộng                                                                                                 |
| 6         | Bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên                                          | 22/QĐ-UBND ngày 6/1/2022     | Xây dựng Trụ sở bảo hiểm xã hội huyện Nậm Pồ                                                                               |
| 7         | Sở Khoa học và Công nghệ                                                | 1726/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 | Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác                       |
| 8         | Ban quản lý dự án các công trình thị xã Mường Lay                       | 1569/QĐ-UBND ngày 25/09/2023 | Hạng mục cải tạo khuôn viên cây xanh hành lang đường nội thị thuộc dự án Đường giao thông nội thị các khu thị xã Mường Lay |
| 9         | Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng NQT Quảng Ninh                   | 1644/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 | Xây dựng Chợ và Thương mại dịch vụ Mường Thanh                                                                             |
| <b>II</b> | <b>HỒ SƠ CHO THUÊ ĐẤT</b>                                               |                              |                                                                                                                            |
| 1         | Công ty TNHH 565 Điện Biên                                              | 1459/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 | Thương mại, dịch vụ                                                                                                        |
| 2         | Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Duy Hồng tỉnh Điện Biên             | 2310/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 | Xây dựng Cửa hàng xăng dầu xã Chiềng Sinh                                                                                  |
| 3         | Tổng công ty Điện lực miền Bắc                                          | 2387/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 | Dự án Nhà máy thủy điện                                                                                                    |

|    |                                                                  |                                                 |                                                                                  |
|----|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | Công ty TNHH ASAHI Điện Biên                                     | 121/QĐ-UBND<br>ngày 27/01/2021                  | Xây dựng Cửa hàng xăng dầu                                                       |
| 5  | Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại và đầu tư Phú Thịnh       | 95-556/QĐ-UBND ngày<br>22/01/2020-<br>16/4/2021 | Trồng Mắc ca kết hợp với trồng rừng, dược liệu và xây dựng khu chế biến sản phẩm |
| 6  | Công ty TNHH Tân Trường Phát tỉnh Điện Biên                      | 1355/QĐ-UBND ngày<br>29/07/2021                 | Xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung Tân Biên                               |
| 7  | Công ty TNHH An Lộc tỉnh Điện Biên                               | 1981/QĐ-UBND ngày<br>01/11/2021                 | Dự án xây dựng Cửa hàng xăng dầu                                                 |
| 8  | Công ty TNHH Quốc Toàn                                           | 2344/QĐ-UBND ngày<br>27/12/2022                 | Dự án Chăn nuôi lợn siêu nạc chất lượng cao                                      |
| 9  | Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6                         | 3288/QĐ-UBND ngày<br>21/12/2021                 | Dự án xây dựng Thủy điện Huổi Chan 1                                             |
| 10 | Công ty cổ phần SCI Điện Biên                                    | 1944/QĐ-UBND ngày<br>26/10/2021                 | Dự án xây dựng Thủy điện Mường Luân 1                                            |
| 11 | Công ty cổ phần thủy điện Mường Tùng                             | 1501/QĐ-UBND ngày<br>20/08/2021                 | Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện                                                 |
| 12 | Công ty TNHH xuất nhập khẩu cà phê Việt Bắc                      | 1320/QĐ-UBND ngày<br>23/07/2021                 | Xây dựng Nhà máy thu mua và chế biến cà phê                                      |
| 13 | Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên                                  | 78/QĐ-UBND<br>ngày 20/01/2021                   | Dự án: Cơ sở sản xuất gạch không nung, bê tông thương phẩm và Đá xẻ              |
| 14 | Công ty cổ phần Liên Việt Điện Biên                              | 1837/QĐ-UBND ngày<br>30/09/2022                 | Trồng Mắc ca công nghệ cao                                                       |
| 15 | Công ty cổ phần giống lâm nghiệp trung ương                      | 661/QĐ-UBND<br>ngày 12/04/2022                  | Trụ sở làm việc, đất nông nghiệp khác và đất rừng sản xuất                       |
| 16 | Công ty cổ phần hoa anh đào Trần Lệ                              | 2027/QĐ-UBND ngày<br>07/11/2022                 | Xây dựng Khu dân cư đô thị mới                                                   |
| 17 | Công ty cổ phần VCN                                              | 2233/QĐ-UBND ngày<br>07/12/2022                 | Dự án khu dân cư đô thị mới (thương mại, dịch vụ, đất ở...)                      |
| 18 | Công ty cổ phần thương mại du lịch và dịch vụ tổng hợp Điện Biên | 49/QĐ-UBND<br>ngày 11/01/2022                   | Xây dựng Trung tâm thương mại, dịch vụ và khách sạn                              |
| 19 | Công ty cổ phần Trường Thịnh                                     | 906/QĐ-UBND<br>ngày 13/05/2022                  | Dự án Thủy điện Đê Bâu                                                           |
| 20 | Công ty TNHH Trường Phúc Điện Biên                               | 1771/QĐ-UBND ngày<br>26/09/2022                 | Xây dựng Cửa hàng xăng dầu                                                       |

|                              |                                                                  |                                           |                                                                                                              |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21                           | Công ty cổ phần thương nghiệp Tuần Giáo tỉnh Điện Biên           | 970/QĐ-UBND ngày 27/05/2022               | Xây dựng Trung tâm thương mại, tổ chức sự kiện và khách sạn                                                  |
| 22                           | Công ty TNHH Tới Hạnh                                            | 3327/QĐ-UBND ngày 27/12/2021              | Dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Búng Lao                                   |
| 23                           | Công ty cổ phần đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Điện Biên        | 1119/QĐ-UBND ngày 30/06/2022              | Dự án Thủy điện Nậm Núa 2                                                                                    |
| 24                           | Công ty cổ phần Liên Việt Điện Biên                              | 1708/QĐ-UBND ngày 16/09/2022              | Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại huyện Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên              |
| 25                           | Công ty TNHH Duyên Hùng Điện Biên                                | 2088/QĐ-UBND ngày 15/11/2022              | Dự án Nhà máy sản xuất gạch tuynel theo dây chuyền công nghệ lò nung trần phẳng                              |
| 26                           | Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng gạch tuynel           | 587/QĐ-UBND ngày 01/4/2022                | Nhà máy sản xuất gạch theo công nghệ lò xoay tuynel di động                                                  |
| 27                           | Hợp tác xã An Bình                                               | 2390/QĐ-UBND ngày 30/12/2022              | Dự án Trang trại cây nông, lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, cây bóng mát đô thị và chăn nuôi gia súc, gia cầm |
| 28                           | Công ty cổ phần thương mại du lịch và dịch vụ tổng hợp Điện Biên | 922/QĐ-UBND ngày 07/06/2023               | Trụ sở làm việc và cửa hàng kinh doanh; Cửa hàng bách hóa tổng hợp                                           |
| 29                           | Công ty cổ phần liên việt Điện Biên                              | 1014/QĐ-UBND ngày 22/06/2023              | Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại huyện Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên              |
| 30                           | Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Thanh Yên                            | 2038/QĐ-UBND ngày 11/12/2023              | Xây dựng điểm chợ xã Thanh Yên                                                                               |
| 31                           | Công ty cổ phần thương mại du lịch và dịch vụ tổng hợp Điện Biên | 49+1447/QĐ-UBND ngày 11/01/2022-08/9/2023 | Xây dựng trung tâm thương mại, dịch vụ và khách sạn Tòa Chùa                                                 |
| 32                           | Công ty cổ phần SCI Điện Biên                                    | 1436/QĐ-UBND ngày 07/09/2023              | Thực hiện dự án Thủy điện Mường Luân 2                                                                       |
| <b>III HỒ SƠ GIA HẠN ĐẤT</b> |                                                                  |                                           |                                                                                                              |
| 1                            | Công ty xăng dầu Điện Biên                                       | 1576/QĐ-UBND ngày 24/03/2021              | Cửa hàng xăng dầu                                                                                            |
| 2                            | Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp tỉnh Điện Biên                | 132/QĐ-UBND ngày 02/02/2021               | Cửa hàng vật tư nông nghiệp                                                                                  |

|                             |                                                                                                                    |                                 |                                                     |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 3                           | Công ty cổ phần thương mại du lịch và dịch vụ tổng hợp DB                                                          | 49/QĐ-UBND<br>ngày 11/01/2022   | Trung tâm thương mại, dịch vụ và khách sạn Tòa Chùa |
| 4                           | Bưu điện tỉnh Điện Biên                                                                                            | 1553/QĐ-UBND<br>ngày 30/08/2022 | Trụ sở làm việc                                     |
| 5                           | Công ty cổ phần cơ khí nông nghiệp Điện Biên                                                                       | 1525/QĐ-UBND<br>ngày 25/08/2022 | Trạm tiết nạp LPG                                   |
| 6                           | Công ty TNHH Du lịch sinh thái suối khoáng nóng Hua Pe Điện Biên                                                   | 1122/QĐ-UBND<br>ngày 18/7/2023  | Khu du lịch sinh thái suối khoáng nóng Hua Pe       |
| 7                           | Công ty điện lực Điện Biên                                                                                         | 849/QĐ-UBND<br>ngày 25/05/2023  |                                                     |
| 8                           | Công ty Điện lực Điện Biên                                                                                         | 2163/QĐ-UBND<br>ngày 27/12/2023 |                                                     |
| <b>IV HỒ SƠ THU HỒI ĐẤT</b> |                                                                                                                    |                                 |                                                     |
| 1                           | Theo quy định tại Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 (Trường THCS Nà Tấu)                                               | 730/QĐ-UBND<br>ngày 17/5/2021   | Giao quản lý theo quy hoạch                         |
| 2                           | Theo quy định tại Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 (Công ty cổ phần giống lâm nghiệp trung ương)                      | 660/QĐ-UBND<br>ngày 12/4/2022   | Giao quản lý theo quy hoạch                         |
| 3                           | Theo quy định tại Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 (Công ty cổ phần thương mại du lịch và dịch vụ tổng hợp Điện Biên) | 920/QĐ-UBND<br>ngày 07/6/2023   | Giao quản lý theo quy hoạch                         |
| 4                           | Theo quy định tại Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 (Công ty TNHH xây dựng và vận tải Lai Châu)                        | 2086/QĐ-UBND<br>ngày 19/12/2023 | Giao quản lý theo quy hoạch                         |

**Phụ biểu 02****BẢNG TỔNG HỢP HỒ SƠ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
TRONG THỜI KỲ 2021-2023***(Kèm theo Kết luận số 1046/KL-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2024)*

| <b>Stt</b> | <b>Tên đơn vị được cấp phép</b>                               | <b>Vị trí điểm mỏ</b>                                                        | <b>Loại khoáng sản</b> | <b>Số Giấy phép khai thác</b>   |
|------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1          | Công ty TNHH Tới Hạnh                                         | Xã Búng Lao, huyện Mường Ảng                                                 | Đá vôi làm VLXDTT      | 08/GP-UBND ngày 18/5/2021       |
| 2          | Công ty TNHH Phong Linh tỉnh Điện Biên                        | Xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ                                                     | Đá vôi làm VLXDTT      | 12/GP-UBND ngày 20/9/2021       |
| 3          | Công ty TNHH Đức Hùng Điện Biên                               | Xã Sen Thương, huyện Mường Nhé                                               | Đá vôi làm VLXDTT      | 05/GP-UBND ngày 09/08/2022      |
| 4          | Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên                        | Đội 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên                                         | Cát làm VLXDTT         | Số 463/GP-UBND ngày 24/3/2023   |
| 5          |                                                               | Bãi màu Nậm Thanh và Đội 19 (thôn Đại Thanh) xã Noong Luống, huyện Điện Biên | Cát làm VLXDTT         | Số 1935/GP-UBND ngày 28/11/2023 |
| 6          | Công ty TNHH Dũng Minh                                        | Thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên                                        | Cát làm VLXDTT         | Số 2177/GP-UBND ngày 29/12/2023 |
| 7          | Công ty CP xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum - Chi nhánh Điện Biên | Bản Pom Loi, phường Nam Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ                       | Đất san lấp            | Số 1193/GP-UBND ngày 28/7/2023  |

**Phụ biểu 03****BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐIỂM MỎ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ***(Kèm theo Kết luận số 1046/Kl-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2024)*

| <b>TT</b> | <b>Tên đơn vị khai thác</b>                                                   | <b>Tên điểm mỏ/ Vị trí điểm mỏ</b>                  | <b>Loại khoáng sản</b>                  |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1         | Công ty CP Đường bộ 2 Điện Biên (Công ty CP ĐTXD và QL đường bộ II Điện Biên) | Điểm mỏ Khối 1, TT Mường Chà huyện Mường Chà        | Đá VLXDTT                               |
| 2         | Công ty TNHH thương mại và xây dựng số 6                                      | Điểm mỏ Huổi Dích, xã Na Sang, huyện Mường Chà      | Đá VLXDTT                               |
| 3         | Công ty TNHH số 32 tỉnh Điện Biên                                             | Xã Mường Tùng, huyện Mường Chà                      | Cát VLXDTT                              |
| 4         | Công ty TNHH Phong Linh tỉnh Điện Biên                                        | Điểm mỏ Huổi Nhạt 2, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ       | Đá VLXDTT                               |
| 5         | Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên                                             | Điểm mỏ Pa Tàn, xã Pa Tàn, huyện Nậm Pồ             | Đá VLXDTT                               |
| 6         | Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên                                        | Điểm mỏ Đội 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên        | Cát VLXDTT                              |
| 7         | Công ty Cổ phần Xi Măng Điện Biên                                             | Điểm mỏ Tây Trang, Xã Na Ú, huyện Điện Biên         | Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng |
| 8         | Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Hoàng Anh                           | Điểm mỏ Ka Hâu II, xã Na Ú, huyện Điện Biên         | Đá VLXDTT                               |
| 9         | Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên                                      | Điểm mỏ Tây Trang 10, xã Na Ú, huyện Điện Biên      | Đá VLXDTT                               |
| 10        | Công ty Cổ phần năng lượng số 6 - Nậm Nhé 2A                                  | Điểm mỏ Tây Trang 7, xã Na Ú, huyện Điện Biên       | Đá VLXDTT                               |
| 11        | Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên                                             | Điểm mỏ Bản Hả, xã Pá Khoang, huyện Điện Biên       | Đá VLXDTT                               |
| 12        | Công ty TNHH xây dựng và thương mại Ngọc Linh tỉnh Điện Biên                  | Điểm mỏ Cò Chạy, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên      | Đá VLXDTT                               |
| 13        | Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Minh Quý                                        | Điểm mỏ Mường Ảng 1, TT. Mường Ảng, huyện Mường Ảng | Đá VLXDTT                               |
| 14        | Công ty TNHH Tới Hạnh                                                         | Điểm mỏ Búng Lao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng      | Đá VLXDTT                               |
| 15        | Doanh nghiệp thương mại tư nhân Đại Dương                                     | Điểm mỏ Minh Thắng 2 xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo   | Đá VLXDTT                               |

**Phụ biểu 04**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH**  
**GIAI ĐOẠN 2021-2023**

(Kèm theo Kết luận số 1046/KL-TTr ngày 26/12/2024)

Đơn vị tính: Đồng

| Stt      | Nội dung                                           | Năm 2021              | Năm 2022              | Năm 2023              |
|----------|----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A</b> | <b>NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                          |                       |                       |                       |
| <b>1</b> | <b>Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang</b> | <b>3.101.051.214</b>  | <b>226.713.810</b>    | <b>1.171.059.908</b>  |
| 1.1      | Kinh phí thường xuyên/tự chủ                       | 601.051.214           | 180.713.810           | 770.146.908           |
| 1.2      | Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ           | 2.500.000.000         | 46.000.000            | 400.913.000           |
| <b>2</b> | <b>Kinh phí giao đầu năm và bổ sung trong năm</b>  | <b>22.053.000.000</b> | <b>31.215.300.000</b> | <b>22.948.000.000</b> |
| 2.1      | Kinh phí thường xuyên/tự chủ                       | 12.348.000.000        | 14.084.000.000        | 13.551.000.000        |
| 2.2      | Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ           | 9.705.000.000         | 17.131.300.000        | 9.397.000.000         |
| <b>3</b> | <b>Tổng kinh phí được sử dụng</b>                  | <b>25.154.051.214</b> | <b>31.442.013.810</b> | <b>24.119.059.908</b> |
| 3.1      | Kinh phí thường xuyên/tự chủ                       | 12.949.051.214        | 14.264.713.810        | 14.321.146.908        |
| 3.2      | Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ           | 12.205.000.000        | 17.177.300.000        | 9.797.913.000         |
| <b>4</b> | <b>Kinh phí thực nhận</b>                          | <b>24.607.586.404</b> | <b>28.853.499.291</b> | <b>22.595.220.036</b> |
| 4.1      | Kinh phí thường xuyên/tự chủ                       | 12.768.337.404        | 13.494.566.902        | 14.053.360.236        |
| 4.2      | Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ           | 11.839.249.000        | 15.358.932.389        | 8.541.859.800         |
| <b>5</b> | <b>Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán</b>      | <b>24.607.586.404</b> | <b>28.853.499.291</b> | <b>22.595.220.036</b> |
| 5.1      | Kinh phí thường xuyên/tự chủ                       | 12.768.337.404        | 13.494.566.902        | 14.053.360.236        |
| 5.2      | Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ           | 11.839.249.000        | 15.358.932.389        | 8.541.859.800         |
| <b>6</b> | <b>Kinh phí giảm trong năm</b>                     | <b>319.751.000</b>    | <b>1.417.454.611</b>  | <b>491.418.200</b>    |
| 6.1      | Kinh phí thường xuyên/tự chủ                       | -                     | -                     | -                     |
| 6.2      | Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ           | 319.751.000           | 1.417.454.611         | 491.418.200           |
| <b>7</b> | <b>Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau</b>        | <b>226.713.810</b>    | <b>1.171.059.908</b>  | <b>1.032.421.672</b>  |
| 7.1      | Kinh phí thường xuyên/tự chủ                       | 180.713.810           | 770.146.908           | 267.786.672           |
| 7.2      | Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ           | 46.000.000            | 400.913.000           | 764.635.000           |
| <b>B</b> | <b>NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI</b>              |                       |                       |                       |

|          |                                                                        |                    |                    |                    |
|----------|------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| <b>1</b> | <b>Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang</b>               | <b>92.352.561</b>  | <b>90.171.158</b>  | <b>180.002.794</b> |
| 1.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                  |
| 1.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 92.352.561         | 90.171.158         | 180.002.794        |
| <b>2</b> | <b>Dự toán được giao trong năm</b>                                     | <b>500.000.000</b> | <b>113.000.000</b> | <b>179.000.000</b> |
| 2.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                  |
| 2.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 500.000.000        | 113.000.000        | 179.000.000        |
| <b>3</b> | <b>Số thu được trong năm</b>                                           | <b>233.444.000</b> | <b>350.335.320</b> | <b>444.520.280</b> |
| 3.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                  |
| 3.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 233.444.000        | 350.335.320        | 444.520.280        |
| <b>4</b> | <b>Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm</b>                         | <b>325.796.561</b> | <b>440.506.478</b> | <b>605.806.790</b> |
| 4.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                  |
| 4.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 325.796.561        | 440.506.478        | 605.806.790        |
| <b>5</b> | <b>Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán</b>                       | <b>235.625.403</b> | <b>260.503.684</b> | <b>410.643.277</b> |
| 5.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                  |
| 5.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 235.625.403        | 260.503.684        | 410.643.277        |
| <b>6</b> | <b>Số kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán</b> | <b>90.171.158</b>  | <b>180.002.794</b> | <b>213.879.797</b> |
| 6.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                  |
| 6.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 90.171.158         | 180.002.794        | 213.879.797        |
| <b>C</b> | <b>NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI</b>                                |                    |                    |                    |
| <b>1</b> | <b>Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang</b>               | <b>320.627.869</b> | <b>152.123.016</b> | <b>27.672.073</b>  |
| 1.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                  |
| 1.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 320.627.869        | 152.123.016        | 27.672.073         |
| <b>2</b> | <b>Dự toán được giao trong năm</b>                                     | -                  | <b>50.000.000</b>  | <b>50.000.000</b>  |
| 2.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                  |
| 2.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | -                  | 50.000.000         | 50.000.000         |
| <b>3</b> | <b>Số thu được trong năm</b>                                           | <b>113.128.147</b> | <b>525.678.360</b> | <b>53.779.472</b>  |

|          |                                                                        |                    |                    |                   |
|----------|------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 3.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                 |
| 3.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 113.128.147        | 525.678.360        | 53.779.472        |
| <b>4</b> | <b>Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm</b>                         | <b>433.756.016</b> | <b>677.801.376</b> | <b>81.451.545</b> |
| 4.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                 |
| 4.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 433.756.016        | 677.801.376        | 81.451.545        |
| <b>5</b> | <b>Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán</b>                       | <b>281.633.000</b> | <b>650.129.303</b> | <b>59.453.472</b> |
| 5.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                 |
| 5.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 281.633.000        | 650.129.303        | 59.453.472        |
| <b>6</b> | <b>Số kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán</b> | <b>152.123.016</b> | <b>27.672.073</b>  | <b>21.998.073</b> |
| 6.1      | <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>                                    | -                  | -                  | -                 |
| 6.2      | <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>                        | 152.123.016        | 27.672.073         | 21.998.073        |

**Phụ biểu 05**  
**TỔNG HỢP TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC HẠN CHẾ**  
*(Kèm theo Kế luận số 1046/KL-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2024)*

| TT | Tên tổ chức/cá nhân    | Chức vụ/ Thời kỳ vi phạm                                                                   | Hạn chế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Ông Vũ Ngọc Vương      | Giám đốc Sở thời kỳ 2021-2023                                                              | Trách nhiệm người đứng đầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 2023.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 2  | Ông Bùi Châu Tuấn      | Nguyên Giám đốc Sở thời kỳ năm 2015                                                        | Trách nhiệm người đứng đầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên xác định không đúng số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3  | Ông Nguyễn Bá Huân     | Nguyên Chánh Văn phòng Sở thời kỳ 01/01/2021 - 31/5/2022                                   | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Xét duyệt quyết toán đối với các đơn vị trực thuộc Sở.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4  | Ông Nguyễn Văn Tới     | Nguyên Chánh Văn phòng Sở thời kỳ 01/6/2022 - 31/12/2023                                   | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Công khai ngân sách nhà nước; xét duyệt quyết toán; nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công; lập dự toán năm 2023.                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|    |                        | Nguyên giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thời kỳ 01/01/2021-31/05/2022 | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: nội dung kế hoạch PCTN; công khai ngân sách nhà nước; quy định trách nhiệm giải trình; thực hiện báo cáo tháng, quý, năm về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN.                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 5  | Ông: Nguyễn Trọng Giao | Giám đốc trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thời kỳ 01/6/2022-31/12/2023         | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Nội dung kế hoạch PCTN; công khai ngân sách nhà nước; trách nhiệm giải trình; thực hiện báo cáo tháng, quý, năm về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quản lý thu - chi ngân sách nhà nước năm 2023.                                                                                                                                                                                                |
|    |                        | Nguyên Chánh Thanh tra Sở thời kỳ 01/01/2021-31/5/2022                                     | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Trình tự, thủ tục thanh tra, nội dung thanh tra; mở hồ sơ theo dõi thực hiện các kết luận thanh tra; bàn giao, lưu trữ hồ sơ thanh tra; công khai lịch tiếp công dân và nội dung Thông báo lịch tiếp công dân định kỳ của Giám đốc Sở; chế độ hỗ trợ đối với công chức được phân công nhiệm vụ tiếp công dân; thời gian thực hiện giải quyết đơn; Kế hoạch PCTN năm 2021 và 2022; quy định trách nhiệm giải trình; báo cáo về công tác PCNT, TC của Sở. |
| 6  | Bà Triệu Thị Kim Khanh | Chánh Thanh tra Sở thời kỳ 01/6/2022-31/12/2023.                                           | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Trình tự, thủ tục thanh tra; bàn giao, lưu trữ hồ sơ thanh tra; công khai lịch tiếp công dân; chế độ hỗ trợ đối với công chức tiếp công dân; thời gian thực hiện giải quyết khiếu nại; Kế hoạch PCTN 2023; quy định trách nhiệm giải trình; báo cáo về công tác PCTN, TC của Sở.                                                                                                                                                                        |

|    |                         |                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         | Nguyên Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thời kỳ 01/01/2021-31/5/2022.               | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Kế hoạch PCTN năm 2021, 2022; thực hiện báo cáo tháng, quý, năm về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN; quy định trách nhiệm giải trình; nội dung Quy chế chỉ tiêu nội bộ; quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước năm 2021.                |
| 7  | Ông Hoàng Việt Xuân     | Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thời kỳ 01/06/2022-31/12/2023                      | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Nội dung kế hoạch PCTN năm 2023; thực hiện báo cáo tháng, quý, năm về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN; quy định trách nhiệm giải trình.                                                                                             |
|    |                         | Nguyên Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thời kỳ 01/01/2021-31/5/2022 | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Nội dung kế hoạch PCTN; công khai ngân sách nhà nước; thực hiện báo cáo tháng, quý, năm về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN; quy định trách nhiệm giải trình; nội dung Quy chế chỉ tiêu nội bộ; quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước. |
| 8  | Ông Phạm Tiến Dũng      | Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thời kỳ 01/06/2022-31/12/2023.         | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Nội dung kế hoạch PCTN; công khai ngân sách nhà nước; thực hiện báo cáo tháng, quý, năm về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN; quy định trách nhiệm giải trình; trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước                              |
| 9  | Bà Dương Thị Minh Diệu  | Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai thời kỳ 01/01/2021-31/12/2023.                        | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Nội dung kế hoạch PCTN; công khai ngân sách nhà nước; thực hiện báo cáo tháng, quý, năm về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN; quy định trách nhiệm giải trình; lập dự toán thu phí, lệ phí năm 2023.                                  |
| 10 | Ông: Nguyễn Thành Trung | Trưởng phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước.                                              | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Thẩm định kết quả thăm dò khoáng sản; xác định lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; việc phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục, hạn chế tại các điểm mỏ; xác định số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.                                               |
| 11 | Bà Đặng Thị Hồng Loan   | Trưởng phòng Quản lý môi trường và Biến đổi khí hậu thời kỳ 01/01/2022 - 31/12/2023      | Chịu trách nhiệm trong tham mưu, thực hiện về: Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; xác định phí thẩm định báo cáo tác động môi trường năm 2023.                                                                                                                                            |

**Phụ biểu 06****TỔNG HỢP XỬ LÝ THU HỒI SAI PHẠM VỀ KINH TẾ***(Kèm theo Kết luận số 1046/Kl-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2024)**ĐVT: đồng*

| Stt      | Nội dung                                                                                                                                              | Giá trị sai phạm   | Trong đó           |          | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|----------|---------|
|          |                                                                                                                                                       |                    | Thu hồi            | Giảm trừ |         |
| <b>1</b> | <b>Xác định nghĩa vụ tài chính trong hoạt động khai thác khoáng sản</b>                                                                               | <b>567.997.882</b> | <b>567.997.882</b> | -        |         |
| -        | Xác định không đúng số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dẫn đến tổ chức khai thác khoáng sản nộp thiếu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 567.997.882        | 567.997.882        | -        |         |
| <b>2</b> | <b>Quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước cấp</b>                                                                                              | <b>9.372.909</b>   | <b>9.372.909</b>   | -        |         |
| 2.1      | <i>Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường</i>                                                                                                   | <i>1.372.909</i>   | <i>1.372.909</i>   | -        |         |
| -        | Xác định sai thuế suất thuế GTGT                                                                                                                      | 1.372.909          | 1.372.909          | -        |         |
| 2.2      | <i>Trung tâm Phát triển quỹ đất</i>                                                                                                                   | <i>8.000.000</i>   | <i>8.000.000</i>   | -        |         |
| -        | Chi tiền Tết Dương lịch vượt định mức theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ                                                                       | 8.000.000          | 8.000.000          | -        |         |
| <b>3</b> | <b>Quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động thu phí, lệ phí, hoạt động kinh doanh, dịch vụ</b>                                                     | <b>97.516.477</b>  | <b>97.516.477</b>  | -        |         |
| 3.1      | <i>Văn phòng Sở</i>                                                                                                                                   | <i>13.200.000</i>  | <i>13.200.000</i>  | -        |         |
| -        | Thu thiếu tiền phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản                                                                                                 | 10.000.000         | 10.000.000         | -        |         |
| -        | Thu thiếu tiền phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường                                                                                     | 3.200.000          | 3.200.000          | -        |         |
| 3.2      | <i>Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường</i>                                                                                                   | <i>3.821.942</i>   | <i>3.821.942</i>   | -        |         |
| -        | Kê khai, nộp thiếu thuế TNDN                                                                                                                          | 3.821.942          | 3.821.942          | -        |         |
| 3.3      | <i>Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường</i>                                                                                                    | <i>80.494.535</i>  | <i>80.494.535</i>  | -        |         |
| -        | Kê khai, nộp thiếu thuế giá trị gia tăng                                                                                                              | 80.494.535         | 80.494.535         | -        |         |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                                      | <b>674.887.268</b> | <b>674.887.268</b> | -        |         |